

GIỌNG ĐIỀU PHẢN TƯ TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU SAU 1975

Phạm Thị Hồng¹

Tóm tắt: Sau chiến tranh, đất nước bước vào giai đoạn xây dựng xã hội chủ nghĩa với nhiều khó khăn, thử thách. Nguyễn Minh Châu, với tư cách là một nhà văn có nhiều trải nghiệm thực tế, đã có những suy ngẫm sâu sắc về quá khứ, hiện tại, và tương lai của con người trong bối cảnh này. Sáng tác của Nguyễn Minh Châu đã ghi lại chân thực những chuyển biến trong tư tưởng, quan niệm nghệ thuật và bút pháp nghệ thuật của một tác giả “mở đường tài năng và tinh anh”: từ cảm hứng sử thi sang cảm hứng phản tư thế sự, từ giọng điệu tán dương chuyển sang giọng điệu cảm khái - phản vấn, từ bút pháp trữ tình truyền thống chuyển sang bút pháp thế sự phản tỉnh. Giọng điệu phản tư trong truyện ngắn của ông sau năm 1975 thường thể hiện việc suy ngẫm và nhìn nhận lại quá khứ, đánh giá lại các giá trị xã hội, đạo đức và nhân sinh qua lăng kính cá nhân và triết lý nhân sinh sâu sắc.

Từ khóa: Nguyễn Minh Châu, phản tư, phản tỉnh thực tại, tự vấn cá nhân

1. MỞ ĐẦU

“Phản tư” là thuật ngữ không chỉ được sử dụng trong nghiên cứu văn học mà còn được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực của đời sống. Có nhiều cách hiểu về “phản tư”. “Phản tư” (reflection) vốn là một thuật ngữ triết học bao hàm nhiều tầng ý nghĩa như hồi tưởng, suy xét, phản tỉnh, hoài nghi, đánh giá lại... những sự kiện trong quá khứ, những kết luận đã được công nhận. Như vậy, nhìn từ góc độ triết học, phản tư là một hoạt động tinh thần tất yếu của loài người. Trong bài viết này, “phản tư” được hiểu theo nghĩa là sự suy ngẫm, tự vấn và phản ánh sâu sắc về các vấn đề nhân sinh, đạo đức, lương tâm và những giá trị xã hội trong sáng tác của nhà văn. Đây là một quá trình tư duy nội tâm mà tác giả và nhân vật sử dụng để nhìn lại, đánh giá và tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của cuộc sống và các sự kiện xảy ra xung quanh. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 thường mang một giọng điệu phản tư, phê phán các giá trị truyền thống và đưa ra những suy ngẫm sâu sắc về thực tại xã hội cũng như bản chất con người. Ở đây, Nguyễn Minh Châu không chỉ phản ánh thực tế mà còn đi sâu vào những góc khuất tâm lý của con người, đặc biệt là trong bối cảnh xã hội đầy biến động sau chiến tranh. “Phản tư” trong “văn học phản tư” có thể được nhìn và lí giải từ những góc độ khác

¹ Học viên Cao học Trường ĐHSP Hà Nội 2

nhau. Tuy nhiên, nhắc đến văn học phản tư, chắc hẳn không ít người liên tưởng ngay đến quá trình đổi mới văn học từ sau 1986.

Nói đến văn học đổi mới không thể không nhắc đến những chuyển biến mạnh mẽ của Nguyễn Minh Châu. Những nghiên cứu về Nguyễn Minh Châu đến nay đã đạt nhiều thành tựu đáng kể. Về cơ bản, các nhà nghiên cứu, phê bình đánh giá cao vị thế và những đóng góp của Nguyễn Minh Châu trong đổi mới văn học. Ông được gọi bằng những danh xưng trang trọng như “người mở đường tinh anh và tài năng nhất”, “người đã “đi được xa nhất”. Quan sát một chút, có thể thấy, trước năm 1975, các sáng tác của Nguyễn Minh Châu chủ yếu mang giọng điệu trữ tình sử thi, ngợi ca người chiến sĩ cách mạng. Đó cũng là xu hướng chung của thời đại, nhưng cũng một phần là do tác giả chủ ý cổ vũ, động viên nhân dân ta trong cuộc kháng chiến và hiển nhiên, cũng bắt nguồn từ sự xúc động thực sự của ông trước chiến công của quân dân ta. Tuy nhiên, từ sau năm 1975, trở về với đời thường, truyện ngắn của ông chủ yếu xoay quanh chủ đề về cuộc sống thường nhật, hướng đến chiều sâu tâm lí, bản ngã của con người với những mặt đối lập, phức tạp khiến giọng điệu trong truyện ngắn giai đoạn này đã có nhiều thay đổi, cơ bản và chủ yếu là *giọng điệu phản tỉnh thực tại và giọng điệu tự vấn cá nhân*.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các nhà nghiên cứu tiền bối, bài viết tập trung phân tích vấn đề giọng điệu phản tư, phản tỉnh – một trong những nét độc đáo tạo nên bản sắc truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Giọng điệu nghệ thuật trong tác phẩm văn học

2.1.1. Khái niệm

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: “Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân, sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm. Ngoài ra, giọng điệu còn phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mĩ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc.” [9, tr.134, 135]. Như vậy giọng điệu là một yếu tố đặc trưng của hình tượng tác giả trong tác phẩm. Giọng điệu là linh hồn của một tác phẩm văn học, thông qua giọng điệu, người đọc có thể nhận ra tài năng, phong cách cũng như sở trường ngôn ngữ, cảm hứng sáng tạo của người nghệ sĩ.

2.1.2. Đặc điểm phân loại

Giọng điệu là một phạm trù thẩm mĩ gắn với cái “trời phú” ở mỗi tác giả. Giọng điệu trong tác phẩm văn học thường có giọng điệu tác giả và giọng điệu nhân vật. Giọng điệu

tác giả là giọng điệu của người trần thuật chuyện đối với tự sự; người thể hiện cảm xúc, ý nghĩ đối với trữ tình. Giọng điệu nhân vật là tình cảm, thái độ của nhân vật trong tác phẩm ở những cảnh huống giao tiếp hay độc thoại cụ thể. Có khi, giọng điệu tác giả và nhân vật song trùng, nếu tác giả hóa thân vào nhân vật và để cho nhân vật nói thay mình.

Giọng điệu có các sắc thái cơ bản như: thương cảm, xót xa, cảm thông, bi ai, bi tráng, bi phẫn, bi lụy; giọng trào phúng, tự trào, giễu nhại, chê bai; giọng phê phán, tố cáo, lên án; giọng trầm tĩnh, sắc lạnh, lạnh lùng; giọng hồ hởi, phấn khởi, nồng nàn; giọng kêu gọi, thúc giục. Trong thực tế, một tác phẩm có thể bao hàm nhiều kiểu giọng điệu đan cài với nhau, nhất là tác phẩm lớn thường có nhiều tình huống truyện và hệ thống nhân vật tương phản.

2.2. Giọng điệu phản tư trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975

Qua khảo sát giọng điệu trong các tác phẩm của Nguyễn Minh Châu sáng tác sau năm 1975, chúng tôi nhận thấy có hai sắc thái của giọng điệu phản tư là *giọng điệu phản tư/phản tỉnh thực tại* và *giọng điệu tự vấn cá nhân*.

2.2.1. Giọng điệu phản tỉnh thực tại

Sau năm 1975, văn học Việt Nam trải qua một cuộc chuyển mình dữ dội, không chỉ từ văn học thời chiến sang thời bình, từ văn học sử thi sang văn học thế sự và đời tư, mà trong chiều sâu của nó có sự chuyển động từ văn học tuyên truyền chính trị, phản ánh hiện thực theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa (XHCN) sang một nền văn học hậu hiện thực xã hội chủ nghĩa. Từ trong tư tưởng sáng tác, nhiều nhà văn đã nhận ra văn học tuyên truyền chính trị và chủ nghĩa hiện thực XHCN đã trói buộc sáng tác quá nhiều và luôn khao khát giải thoát khỏi các trói buộc ấy.

Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu xoay quanh những vấn đề lớn của đất nước, của cá nhân con người thời đại cũng như những vấn đề lý tưởng, nhân sinh quan của thể hệ nhà văn đang phải đối mặt. Hệ thống “độc thoại phản đề” này cũng phản chiếu cuộc “độc thoại nội tâm” hay “tự đối thoại” đầy dằn vặt giằng xé trong văn chương của ông. Hầu hết “phản tư” trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu đều hướng về những vấn đề lớn của đất nước và cá nhân con người. Nó ẩn sâu một mặc cảm bất lực trước tình trạng đất nước vừa bước ra khỏi chiến tranh đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, bế tắc. Trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, cuộc sống khốn khổ của người đàn bà hàng chài đã được nhà văn khắc họa một cách cụ thể: “*Giá tôi để ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đối khổ chứ trước kia vào các vụ bắt, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...*”

cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính – bổng mụ đồ mặt – nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền dễ nhiều quá, mà thuyền lại chật” [3, tr.266].

2.2.1.1. Những phản tư về đạo đức – văn chương

Nguyễn Minh Châu là một nhà văn nổi tiếng trong việc khám phá những khía cạnh đạo đức và nhân sinh trong các tác phẩm của mình, đặc biệt là sau năm 1975. Các truyện ngắn của ông thường xoay quanh những câu hỏi về giá trị đạo đức, những trăn trở về sự xung đột giữa lý tưởng và thực tế trong cuộc sống.

Phản tư giữa lý tưởng và thực tế đạo đức

Trong các truyện ngắn của mình, Nguyễn Minh Châu luôn tập trung phản ánh những mâu thuẫn giữa giá trị đạo đức, lý tưởng và thực tế phức tạp mà con người phải đối mặt. Trong một con người luôn phải đấu tranh vật lộn với chính mình để hướng đến cái thiện lương, tốt đẹp. Bởi vậy khi tiếp xúc với truyện ngắn Nguyễn Minh Châu ta khám phá ra cái phong phú, đa dạng của tâm hồn. Trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*, nhân vật Phùng, một nghệ sĩ nhiếp ảnh, bị cuốn hút bởi vẻ đẹp hoàn mỹ của một chiếc thuyền đánh cá trên biển mờ sương. Tuy nhiên, khi tiếp cận gần hơn, anh chứng kiến cảnh bạo lực gia đình xảy ra trên chiếc thuyền đó. Điều này làm anh nhận ra sự phức tạp và đôi khi tàn nhẫn của hiện thực, khác xa với những gì anh từng lý tưởng hóa. Mọi thứ đã vỡ òa trong con người anh khi anh luôn xây dựng hình ảnh lý tưởng đẹp đẽ qua vẻ đẹp bên ngoài, nhưng còn thực tế bên trong thì anh lại chưa quan tâm đến. Hay nhân vật Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* đã yêu Hòa bằng một tình yêu say đắm, nồng nhiệt, tôn thờ anh như một “thánh nhân” nhưng rồi chị thất vọng vì anh cũng chỉ là một con người bình thường như bao con người bình thường khác. Chị không chấp nhận “đôi bàn tay dập dính mồ hôi” của anh, không chấp nhận con người đời thường của anh. Nhưng cái chết của Hòa khiến chị nhận ra thì đã quá muộn. Đây là sự phản tư sâu sắc của Nguyễn Minh Châu về đạo đức, nơi mà cái đẹp nghệ thuật đối lập với sự khốc liệt của thực tế và đạo đức không còn đơn thuần là những giá trị lý tưởng mà vấn đề là con người cần phải đối mặt với những mâu thuẫn và bất công trong cuộc sống.

Phản tư về đạo đức nghề nghiệp

Nguyễn Minh Châu luôn phản tư về đạo đức trong nghề nghiệp, đặc biệt là nghề văn. Ông thường đặt ra câu hỏi về trách nhiệm của người nghệ sĩ đối với xã hội. Trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, Phùng phải đối mặt với việc liệu anh có thể chỉ ghi lại cái đẹp nghệ thuật mà bỏ qua hiện thực đau lòng hay không. Trách nhiệm đạo đức của người nghệ sĩ là phải phản ánh sự thật, cho dù sự thật đó không dễ chịu hay không đẹp đẽ. Sự phản tư này khuyến khích người đọc suy ngẫm về vai trò và trách nhiệm của mỗi người trong xã hội, đặc biệt là những người làm công việc sáng tạo. Có thể nói, Nguyễn Minh Châu là một

trong số không nhiều các nhà văn đương thời có những suy tư lớn về bản chất văn học và con đường đổi mới văn chương. Là một người nghệ sĩ tâm huyết với từng con chữ, trang giấy và cũng chính là sự gắn bó máu thịt với cuộc sống, Nguyễn Minh Châu đã sớm nhận ra khoảng cách giữa văn học với cuộc đời. Hiện thực cuộc sống như những cánh rừng già còn nhiều điều bí ẩn chưa được khai phá. Nếu người nghệ sĩ hời hợt hay nhìn cuộc đời một cách đơn giản xuôi chiều thì các tác phẩm *“chưa phải là sự quan tâm thường trực và tha thiết, chưa phải là tâm huyết kĩ càng chưa phải là cái điều chiêm nghiệm có tính triết học của cả một đời người viết văn”* [4, tr.24-25]. Dường như đã có một hiện thực khác, hiện thực của phần bí ẩn khuất lấp, của tầng sâu ý nghĩa đang chờ các nhà văn khám phá và nhận diện với một hình thức thể hiện ắt hẳn phải khác trước. Trong *Chiếc thuyền ngoài xa* (ra đời gần như cùng thời điểm với tiểu luận *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*), nhà văn đã đề cập một hiện thực khuất sau những vẻ đẹp “ngoài xa” từ điểm nhìn nhân vật Phùng. Lúc đầu Phùng được trường phòng giao nhiệm vụ đi chụp ảnh thuyền và biển cho bộ lịch năm sau. Anh đã chụp được bức ảnh mà anh cho rằng *“Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh “đắt” trời cho như vậy”* [3, tr.255]. Câu chuyện thật đẹp khi dừng lại ở đó, chiếc thuyền tiến vào gần bờ điểm nhìn của Phùng đã thay đổi gần, trực diện, cận cảnh và rõ nét thì cảnh gia đình thuyền chài đã phá tan khoảng khắc đẹp đẽ trong đầu Phùng trước đó. Khi người đàn bà hàng chài được Phùng, Đẩu mời đến tòa án để khuyên li hôn, thế nhưng những lí lẽ của người đàn bà thất học lại khiến Phùng và Đẩu sửng sốt *“... các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...”*, *“các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nổi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...”* [3, tr.265]. Giọng điệu Nguyễn Minh Châu thể hiện trong *Chiếc thuyền ngoài xa* là giọng chiêm nghiệm, suy tư, trầm trở pha trộn với giọng khắc khoải chua chát về tình huống nhận thức. Mỗi nhà văn sẽ có những tài năng và những đóng góp riêng, có người đóng góp chính vào phần ngôn ngữ, có người lại đóng góp về thể loại nhưng cuối cùng, phần chủ yếu nhất của một người viết văn vẫn là tiếng nói của anh trước những vấn đề mà đông đảo mọi người đang quan tâm tới. Những người viết văn phải là những người biết gắn kết cuộc đời, vì cuộc đời và phục vụ cuộc đời. Với những trầm trở và dằn vặt đầy tính tự thức như thế, có thể nói, Nguyễn Minh Châu là một trong không nhiều nhà văn cách mạng có sự phản tỉnh mạnh mẽ về vai trò của nhà văn và của nền văn học trước yêu cầu bức thiết của cuộc sống.

2.2.1.2. Những phản tư về lương tâm – nhân cách

Là người luôn gắn bó cuộc đời mình với đời sống nhân dân, Nguyễn Minh Châu hiểu hơn ai hết những gì đang diễn ra của đời sống xã hội cũng như lòng người. Ông hướng

ngòi bút của mình vào sự tha hoá, biến chất về đạo đức và nhân cách của con người. Từ đó, nhà văn miêu tả một cách cụ thể những mặt trái của xã hội nhằm thức tỉnh lương tâm ở mỗi một con người. Ngòi bút Nguyễn Minh Châu cũng quyết liệt phê phán những sự tha hóa xuống cấp về nhân cách đạo đức và những tội ác nảy sinh trong những con người đã bị chiến tranh làm cho hư hoại. “Xuất phát từ chỗ coi “con người không bao giờ trùng khớp với bản thân mình”. *Nguyễn Minh Châu chọn chỗ đứng bình đẳng với nhân vật để nhân vật nói thật tiếng nói của mình. Thật khó mà phân biệt được đâu là giọng tác giả đâu là giọng nhân vật*” [9, tr.280]. Đó là sự tha hóa của người đàn ông trong *Chiếc thuyền ngoài xa* những “con mưa” đòn roi, những trận say và những câu nói nguyên rủa “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ!” [3, tr.257]. Đó là sự thất hứa của anh họa sĩ trong *Bức tranh*. Để đền đáp lại tấm ân tình của anh bộ đội đã giúp đỡ anh, người họa sĩ đã hứa là vẽ một bức chân dung anh bộ đội thật giống và trực tiếp mang thư và “ảnh” tới tận nhà anh bộ đội. Ấy vậy mà anh ta lại “*liền lờ quên người mẹ đang ôm ấp mỗi đau khổ vì ngộ nhận con trai đã hy sinh*” [3, tr.99] mang tấm ảnh đó gửi đi triển lãm ở nước ngoài. Trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, nhân vật người đàn ông vốn hiền lành nghĩa hiệp. Sự khốn cùng, mong manh của đời sống chài lưới đã biến anh ta thành kẻ vũ phu. Những hành động của anh ta là sự bế tắc hay là sự giải thoát. Bên cạnh nguyên nhân về những khó khăn, cơ cực của đời sống thì cũng có nguyên nhân con người bị cuốn vào những cám dỗ vật chất và quyền lực, và sự xa rời các giá trị đạo đức truyền thống. Điều này có thể thấy rõ trong cách ông miêu tả những nhân vật bị mất đi những giá trị cốt lõi của mình khi đối diện với những thử thách và cám dỗ. Hình ảnh Toàn trong truyện ngắn *Mùa trái cóc ở miền Nam*, một cán bộ đoàn đã hoàn toàn thoái hoá, biến chất, trở thành một con người ích kỷ, tàn nhẫn không còn tình người, không còn khả năng xúc động ngay cả khi gặp lại mẹ mình sau hơn hai mươi năm xa cách.

Trong *Bức tranh*, người họa sĩ với những giảng xé lương tâm vì sự vô tâm, thất hứa của chính mình. Bao nhiêu câu hỏi bủa vây lấy tâm hồn ông: “*Tại sao ngày ấy tôi đã không đưa “tấm ảnh” đến cho gia đình anh? Tại sao tôi không giữ lời hứa?*” [3, tr.98]. Trong truyện ngắn *Bến quê*, nhân vật Nhĩ, trước khi qua đời, nhận ra rằng anh đã bỏ lỡ những giá trị thực sự gần gũi và quan trọng nhất trong cuộc sống vì mãi mê chạy theo những mục tiêu xa vời. Sự chiêm nghiệm này không chỉ là của nhân vật mà còn phản ánh những suy tư của chính tác giả về cuộc đời và sự hối tiếc. Giọng điệu trầm trầm với nỗi niềm khắc khoải khi đến cuối đời anh nhận ra bao điều: “*Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá*” [3, tr.288]. Trong truyện *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, chất giọng trầm đắm suy tư sau mỗi chuyến tàu tốc hành phức tạp của cuộc đời “*Phút lâm chung của con người ấy là cái phút lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy thật sâu sắc nỗi bất lực của mình*” [3, tr.134] “*Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong tất cả mọi sự mất*

mát, thì mắt một con người là không có gì bù đắp được, không sao lấy được” [3, tr.137]. Giọng điệu khắc khoải day dứt cũng thấy trong *Phiên chợ Giát*... “Đứa hung thần là lão Khùng chứ ai! Kẻ nâng chiếc búa tạ lên đánh vào đầu con vật là lão chứ ai! Tay chân run lấy bầy, mồ hôi toát ra khắp sống áo đầm đìa, lão Khùng sợ quá. Lão đã trở nên độc ác quá mức, thật là vô cùng ác độc, mà lão đã trở nên độc ác ngoài sức nghĩ của con người từ bao giờ vậy” [3, tr.550]. Viết vào thời điểm khi đất nước không còn tiếng súng. Thế nhưng dường như câu chuyện trong những tác phẩm sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu lại đưa người đọc vào một “cuộc chiến” mới mà cũng không kém phần gay gắt và dữ dội. Đó là cuộc chiến ở bên trong mỗi con người để giữ gìn và hoàn thiện nhân cách của mình. Nguyễn Minh Châu ý thức rất sâu sắc về việc đưa văn học trở về với đời sống tham gia trực tiếp vào “cuộc đấu tranh cho quyền sống của từng con người”. Bởi vậy muôn mặt đời thường đã đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn với một chủ đích rõ ràng, “mỗi một câu chuyện ngắn tôi nêu ra một trường hợp cụ thể và xen vào mạch kể chuyện tôi bàn bạc về quan niệm sống hoặc báo động về một điều gì đó”. “Từng bước một ông đã dần dần hóa thân vào nhân vật, sống cùng nhân vật để khám và tìm hiểu cái “hiện thực ẩn kín”. Trên cơ sở đó, ông đã tạo cho sáng tác của mình một giọng điệu da diết và cuốn hút hơn khiến người đọc phải chiêm nghiệm suy nghĩ về những gì mà “*cuộc viễn du*” ấy đặt ra [5, tr.282]. Khả năng tự nhận thức của con người cũng là vấn đề mà Nguyễn Minh Châu rất tâm đắc. Nhà văn mong muốn con người hãy tự biết ý thức lại về những việc mình đã làm để từ đó thay đổi cách suy nghĩ cũng như lựa chọn được những hành động đúng đắn. Cuộc sống thì phức tạp, cuộc sống hằng ngày cứ thường xuyên bận rộn; bản thân mỗi con người cũng không đơn giản, con người luôn bị lôi cuốn vào hết việc này đến việc khác, có khi làm những việc sai trái, xấu xa, có hại đến người khác mà chính bản thân không biết.

2.2.1.3. *Phản tư về lẽ sống và cái chết*

Trong giai đoạn sáng tác sau năm 1975, Nguyễn Minh Châu đã có nhiều phản tư sâu sắc về các vấn đề triết lý, những câu hỏi về ý nghĩa của lẽ sống và cái chết cũng được ông quan tâm khai thác.

Phản tư về ý nghĩa của cuộc sống

Trong nhiều truyện ngắn của mình, Nguyễn Minh Châu thường xuyên đặt ra câu hỏi gay gắt về ý nghĩa của cuộc sống về lẽ sống. Do vậy, các nhân vật của ông thường bị đẩy vào những tình huống phải đối diện với sự tồn tại của chính mình, từ đó suy ngẫm về giá trị thực sự của cuộc sống. Trong *Bến quê*, nhân vật Nhĩ, khi đối diện với cái chết, bắt đầu nhận ra anh đã dành cả cuộc đời để theo đuổi những điều xa xôi, trong khi bỏ qua những giá trị gần gũi và đơn giản nhất. Con người ấy đã từng có một cuộc đời oanh liệt, đã đi “không sót một xó xỉnh nào” trên trái đất, vậy mà khi mái tóc chưa kịp bạc đã nằm liệt

giường và bắt lực trong ước muốn nhỏ nhoi được đến “cái bờ bên kia” mà cũng không làm được. Thì ra con người không phải luôn bất khả chiến bại, cuộc đời luôn có giới hạn bất ngờ mà con người không thể vượt qua. Nhĩ hồi hận vì đã bỏ lỡ những điều đơn giản nhưng quý giá trong cuộc sống. Khi cái chết đến gần, anh nhận ra những gì anh từng coi trọng, những hoài bão và ước mơ xa xôi, thực chất không mang lại ý nghĩa lớn lao như anh nghĩ. Sự hối tiếc này nhấn mạnh sự quan trọng của việc sống một cuộc đời có ý nghĩa, và sự cần thiết phải trân trọng những gì mình đang có trước khi quá muộn. Nguyễn Minh Châu cũng miêu tả quá trình các nhân vật của ông đối diện với cái chết, từ sự sợ hãi, phủ nhận cho đến sự chấp nhận và giác ngộ. Trong *Bức tranh*, nhân vật họa sĩ khi chứng kiến cái chết của người bạn, bắt đầu suy ngẫm về cái chết của chính mình. Qua đó, Nguyễn Minh Châu khắc họa cái chết như một thử thách cuối cùng của con người, nơi mà mỗi người phải đối diện với sự thật về cuộc sống và cái chết, và tìm ra ý nghĩa của sự tồn tại trong khoảnh khắc đó. Sự phản tư này cho thấy một cái nhìn sâu sắc về việc sống một cuộc đời có ý nghĩa, không chỉ dựa trên những mục tiêu lớn lao, mà còn từ những niềm vui nhỏ bé và những mối quan hệ gần gũi trong cuộc sống.

Phản tư về cái chết như một phần tất yếu không thể tránh khỏi của cuộc sống

Trong các tác phẩm của mình, Nguyễn Minh Châu cũng không ngần ngại miêu tả sự mất mát và nỗi đau khi đối diện với cái chết của người thân. Trong nhiều tác phẩm của ông, cái chết không chỉ là sự kết thúc của một cuộc đời, mà còn là sự khởi đầu của một giai đoạn tang thương và đau đớn cho những người ở lại. Những phản tư này cho thấy cái chết có thể có những hệ quả sâu sắc không chỉ đối với người đã ra đi mà còn đối với những người còn sống, tạo nên một bức tranh phức tạp và đầy cảm xúc về lẽ sống và cái chết. Năm 1975 đất nước thống nhất, nhưng ba thập kỷ chiến tranh đã để lại những hậu quả nặng nề không dễ gì vượt qua. Đối với con người chiến tranh như một lưỡi dao lia ngang bao cuộc đời biết bao số phận mà hai nửa cuộc đời bị chặt lìa ấy thật khó gắp lại như cũ. Đối với đất nước còn ngổn ngang biết bao nhiêu vấn đề cần xóa bỏ và khắc phục. Hiện thực khốc liệt và nghiệt ngã của chiến tranh đã được nhà văn thể hiện sâu sắc ở một chiều sâu nhân bản mới qua hàng loạt các tác phẩm như *Cỏ lau*, *Bức tranh*, *Phiên chợ Giát*... *Cỏ lau* manggiọng điệu thâm trầm, day dứt bởi những xót xa mà chiến tranh để lại. Lực, người lính từ chiến trường trở về nhưng lại có ngôi mộ cho chính mình: “*Quả đúng thật, tôi đang đứng ngay trước ngôi mộ của mình*” [3, tr.439]. Chiến tranh mang cái chết cho người trực tiếp tham gia chiến trận và sự đau đớn cho hậu phương, những người vợ trẻ mẹ già ở nhà. “*Ông ra đi biệt. Thương nhớ, đợi chờ đằng đằng, thế rồi ông về... chỉ còn là một cái xác trôi ngoài sông. Khi phải lén lút chôn cất ông. Thai đau đớn lắm. Vì thế mà chẳng bao giờ nguôi đi cho*” [3, tr.458]. “... khắp bốn phương trời, hòn vọng phu đứng nhan nhản” [3, tr.448]. Trong *Phiên chợ Giát*, người kể chuyện – nhân

vật được nhìn từ bên trong, hướng nội nên giọng điệu càng làm hiện lên nỗi đau đớn trong từng mảng kí ức của nhân vật. “*Trong cái buổi chiều tang tóc đổ ập xuống mái nhà của lão*” [3, tr.571] “... *mụ Huệ vẫn không gương dậy được, không hề ăn một miếng... Mụ Hải, đã ngoài 60, vừa có con trai vừa có con gái từ ngày cái trận Điện Biên đến giờ đêm trên đốt ngón tay đã có ba người hi sinh ở các mặt trận*” “*lão Khúng chỉ thấy dội lên tận đáy lòng một nỗi đau xót*” [3, tr.574]. Nguyễn Minh Châu cho rằng sự sống và cái chết giống như hai mặt của đồng xu, để sống một cuộc đời trọn vẹn con người cần hiểu và chấp nhận cả hai. Cái chết ở đây được nhìn nhận như một điều tất yếu, chấp nhận nó con người sẽ hiểu rõ hơn về giá trị cuộc sống.

2.2.2. Giọng điệu tự vấn cá nhân

2.2.2.1. Tự vấn về làng quê

Nguyễn Minh Châu đã cống hiến cho cuộc đời và văn chương đến giây phút cuối cùng của đời mình. Một con người suốt cuộc đời lao động và sáng tạo nghệ thuật. Cho đến những ngày cuối cùng của đời mình trên giường bệnh, nhà văn vẫn kê từng trang giấy lên trên chiếc gối để viết. Nguyễn Minh Châu cũng luôn đau đáu nghĩ về quê hương. Những trang văn cuối đời của ông đã dành những tình cảm sâu nặng đối với quê hương nghèo, nơi ông sinh ra và lớn lên. Tác phẩm đầu tiên ông viết về con người *Cửa sông* nơi quê hương. Tác phẩm cuối cùng *Phiên chợ Giát* viết trên giường bệnh cũng gắn với sự ám ảnh về quê hương. “*Nếu trời Phật cho tôi sống, tôi sẽ viết về làng của tôi. Tôi có viết một ít trong Thơi, vùng Lạch Thơi, Lạch Quên. Dữ dội lắm... Lão Khúng là kiểu người dân tôi đấy. Nếu còn sống tôi còn viết tiếp truyện lão Khúng*”. Đúng như mong đợi, vào những ngày cuối năm 1987, đầu năm 1988, Nguyễn Minh Châu về quê theo lời mời của huyện uỷ Quỳnh Lưu lấy tư liệu và trở ra, ông bắt tay vào viết truyện vừa *Phiên chợ Giát*. Khi biết mình khó chống lại được định mệnh, lúc lâm bệnh nặng nhà văn đã cố gắng để viết tiếp 30 trang bản thảo và hoàn thành *Phiên chợ Giát*. *Phiên chợ Giát* là tác phẩm được kết thúc trên giường bệnh khi nhà văn đang phải chiến đấu với căn bệnh ung thư máu ở viện Quân y 108. Tác phẩm được nhà văn Nguyễn Ngọc đánh giá là “một tuyệt tác của văn học hiện đại”. Trong *Khách ở quê ra*, Nguyễn Minh Châu viết về cái làng của lão Khúng, một cái làng vừa cụ thể, lại vừa có ý nghĩa tượng trưng: “Làng anh, cái làng Khơi nửa biển nửa đồng, sía chân từ trên tàu hỏa xuống, phải đi gần chục cây số về phía biển mới thấu và chỉ có một cách cước bộ ấy, nó có một sức nhai người ghê gớm. Nó nghiền nát những con người ra rồi vắt nặn theo cái hình thù đã có từ nghìn đời của nó, rồi bắt những con người ấy phải sống theo cái luật cũng đã có từ nghìn đời nhưng không bao giờ viết thành văn của nó”.

Khách ở quê ra và *Phiên chợ Giát* giống như bản di chúc đầy trách nhiệm. Những trăn trở tự vấn bản thân, trách nhiệm của người cầm bút dường như khiến ông toại nguyện

phần nào ở những năm cuối đời. Hai thiên truyện này chưa phải là kiệt tác nhưng ẩn sâu trong đó là những nỗi niềm, lòng yêu thương của bản thân ông gửi đến đồng bào ruột thịt quê hương mình. Dường như tác giả đang ẩn mình vào nhân vật lão Khúng với những cuộc đối thoại nội tâm đang giằng xé. Nhân vật lão Khúng là hiện thân của niềm khát vọng tự do và hạnh phúc của người nông dân từ nghìn xưa. Niềm khát vọng càng lớn thì khi đổ vỡ nỗi đau ấy lại càng lớn. *Phiên chợ Giát* chính là nỗi đau đổ vỡ của một kiếp người đầy khổ ải và nhọc nhằn, đầy máu và nước mắt. Sau hình tượng ẩn dụ con bò hoang già đang bị dắt tới lò mổ là chặng đường kết thúc đầy bi thảm của một kiếp người; tuổi già và nỗi bất lực trước một gia đình tan tác cùng cái chết vô nghĩa của người con trai nơi đất khách quê người. Tất cả giáng xuống đầu lão Khúng như nhát búa tạ giáng xuống đầu con bò máu me đầm đìa. Đây cũng là chặng kết thúc cuối cùng của một thời kì người dân quê lão Khúng (có lẽ của nhà văn) trở thành nạn nhân của những ngẫu hứng cuồng nhiệt dốt nát, những “cao trào chạy theo cách mạng thay trời đổi đất”. Sự kết thúc này tuy đau đớn nhưng tốt lành nó báo hiệu sự mở đầu của thời kì mới thời kì người dân được làm chủ. Trong *Khách ở quê ra*, lúc đầu qua cuộc nói chuyện của Định và lão Khúng ta biết được mối quan hệ giữa họ. Qua điểm nhìn của ông chú với một người nông dân chất phác, cần cù được Nguyễn Minh Châu thể hiện bằng giọng điệu bổ bã, suồng sã: “Cho mày mưa! Cho mày mưa! - khách nâng chiếc bát lên lại đặt xuống - cứ mưa nữa đi! Lúa trở xong rồi. Lạc cũng nhỏ rồi. Chỉ còn mấy miếng nếp. Chà, mấy miếng nếp mưa này rồi cũng hơi gay đây. Nhưng cũng chẳng sao! Cũng chẳng việc quái gì!” [3, tr.320]. Nhưng trước thành thị thì lão Khúng được Nguyễn Minh Châu miêu tả với giọng điệu hài hước, cảm thông cho con người ở quê ra tỉnh: “Ừ cũng lạ, sống như thế này mà cũng sống được, chẳng có vườn tược, chẳng cây cối, ăn, ở chồng chất lên đầu nhau, chỉ thấy tường và tường, chả trách người nào người nấy cứ trắng nhợt, nói khề, cười khề, đi khề, là phải!...” [3, tr.356]. Giọng điệu ở cuối truyện tràn đầy sự cảm thương, khắc khoải của một con người cả đời chỉ quanh quẩn trong lũy tre làng. “Từ bảy giờ cho đến tối, lão Khúng đi lạc lung tung trong thành phố. Những bức tường chi chít và những ngõ phố khúc khuỷu như đang bày trò chơi ú tim với lão, chế nhạo lão. Đèn trong các lùm cây và trong các gian nhà đã bật sáng, mà lão vẫn không sao tìm được lối về. Toàn thân lão run lấy bầy như người lên cơn sốt và trong tâm hồn lão tự nhiên dâng lên một nỗi niềm cô độc, lão lẩm bẩm gọi tên từng đứa con. Lão cầu xin đàn con đừng bỏ lão mà đi, mà hãy ở lại với lão, hãy ở lại với đất cát” [3, tr.357]. Giọng điệu cuối truyện dường như càng trầm lắng hơn, bởi một con người ngang ngạnh, gàn dở như lão Khúng nay trở nên thật đáng thương. Một người nông dân đang lúng túng, loay hoay bởi sự hiểu biết hạn hẹp của mình về thành phố, một nỗi niềm cô độc lạc lõng dâng lên chỉ khi bắt chuyến xe về “với đất cát” “luồng gió man dại quen thuộc” thổi vào hần mới bình thường được. Giọng điệu trong tác phẩm được gắn với việc nhìn nhân vật từ góc độ tính cách. Tác phẩm kết thúc còn bỏ ngỏ

cho người đọc tự suy nghĩ “... liệu có bỏ việc đô thị hóa của người nông dân có thực hiện được không? Và có nên không?” [5, tr.283]. Lão Khủng trong *Khách ở quê ra* được tác giả thể hiện với những lời đối thoại, độc thoại thể hiện tình yêu mảnh đất thôn quê nơi có những con người cần lao, những thân phận quanh năm cặm cùi với ruộng nương như lão Khủng. Nguyễn Minh Châu từng tâm sự, *Khách ở quê ra* là ông vẫn viết về đứa cháu làm lụi đến tội nghiệp của mình, cũng là về một thế giới đầy nhọc nhằn mà thân thiết, về thân phận người nông dân trong cái làng nhỏ sống dậy từ hun hút ký ức của những ngày xa quê.

2.2.2.2. Tự vấn về bản ngã

Giọng điệu tự vấn trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu thường được mài sắc độ biểu cảm. Trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu thời kì này, ngôn ngữ phức điệu và đa thanh điệu ngày càng gia tăng và trở nên đa dạng, phong phú hơn, đặc biệt ở sự đan cài của nhiều đối thoại và đối thoại bên trong tâm linh sâu thẳm của nhân vật. Trong *Phiên chợ Giát*, “Người đọc theo dõi cái tâm linh đầy mộng mị, mông lung và những hồi tưởng, ảo giác... Những cuộc đối thoại của lão với chính mình, với vũ trụ hoang vu, với người con trai chết trận, với con bò khoang - người bạn nhọc nhằn, hay chính sự phân thân của chính lão? Ở đây có sự hóa thân của nhà văn...” [1, tr.223,224] “Rất nhiều tiếng nói khác nhau, rất nhiều cuộc đối thoại miên man đã làm cho chuyện trở nên phức điệu và mang tính đa nghĩa: khi kinh sợ hãi hùng, lúc xót xa đau đớn, lúc buồn rất mệt mỏi” [5, tr.283]. Giọng điệu tự vấn trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu có nét riêng so với tiểu thuyết ở chỗ thiên về giọng tự vấn cá nhân, đồng thời sự phối trộn giữa “phản tỉnh thực tại” và “tự vấn cá nhân” cũng đa dạng và khó phân biệt hơn. So với các nhà văn cùng thời, Nguyễn Minh Châu là người đầu tiên thực sự tự “cởi trói” cho kiểu văn học minh họa. Ông dường như đã từ bỏ kiểu kết thúc khép kín “chấm hết vấn đề” mà thay vào đó là kết thúc mở. Phần lớn những tác phẩm ở giai đoạn sau của Nguyễn Minh Châu đều kết thúc theo kiểu gợi ý, mở ngỏ vấn đề, che đậy “thông điệp cuối cùng”, buộc người đọc phải suy nghĩ, tự tìm ra kết luận. Đó chính là một yếu tố không thể thiếu làm nên giọng phản vấn/tự vấn. Những lời tự vấn về tình cảnh ông lão nặng nợ với đời với nơi đồng quê chiêm trũng với đủ những trần trọc về thân thể, tuổi tác, giá trị bản ngã: “Suốt đời anh chỉ làm em khổ mà em vẫn cứ nín thinh/ Có hề sao đâu. Miễn là anh sống, luôn luôn có mặt anh, có tiếng nói anh trong căn nhà này” [3, tr.288]. Đây không biết là lời của của nhân vật hay lời của nhà văn nói với vợ của mình khi ông bị bệnh hiểm nghèo đang phải nằm dưỡng bệnh trong vòng tay săn sóc của vợ con đến sáu năm. Những truyện ngắn và những bài viết của ông càng về cuối đời càng chứng tỏ ông đã tìm được chính mình, cái mà mình mong mỏi kí thác với người đời.

Dù là giọng điệu phản tỉnh thực tại hay phản tỉnh bản thân, trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu đều bộc lộ nỗi niềm nhức nhối trần trở trước cuộc đời và sự bất lực của bản

thân. Giọng phản tỉnh bởi vậy thường hòa nhập giọng tự vấn để làm nên một “phong cách người mở đường tài năng và tinh anh” với địa vị không thể thay thế trong không gian văn học thời kì đổi mới.

3. KẾT LUẬN

Khảo sát truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975, chúng tôi nhận thấy, trên cơ sở những chuyển dịch quan trọng về nhận thức và tư tưởng thẩm mỹ, nhà văn đã thiết tạo được một hệ thống giọng điệu độc đáo, phong phú, tiêu biểu và nổi bật là sự thể chỗ của giọng triết lí, suy ngẫm, phẩm bình cho giọng sử thi. Điều này bắt nguồn những xúc cảm chân thành, những suy tư đau đáu về đất nước, về con người, về những vấn đề nhân tâm thế sự phức tạp đang diễn ra xung quanh. Nguyễn Minh Châu luôn băn khoăn, hoài nghi, trăn trở và thể hiện trực tiếp qua một kiểu giọng đặc thù: *giọng điệu phản tỉnh - tự vấn*. Không những thế, truyện ngắn Nguyễn Minh Châu là một thí dụ điển hình về sự phức hợp đa âm và đa thanh, trong đó giọng điệu chủ đạo là giọng triết lí, thâm trầm, suy ngẫm, khắc khoải, hoài nghi. Điều này góp phần tạo nên nét độc đáo và sức hấp dẫn trong truyện ngắn của ông đồng thời cũng cho thấy địa vị tư tưởng của Nguyễn Minh Châu trong tiến trình văn học dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Hoàn (giới thiệu, tuyển chọn), *Nguyễn Minh Châu - Về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2004.
2. Trung Trung Đĩnh, *Nhà văn Nguyễn Minh Châu*, in trong: *Nguyễn Minh Châu – Về tác gia và tác phẩm*.
3. Nguyễn Minh Châu, *Tuyển tập truyện ngắn*, Nxb. Văn học, 2003.
4. Nguyễn Minh Châu, *Trang giấy trước đèn*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2002.
5. Tôn Phương Lan, *Giọng điệu và ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu*, in trong: *Nguyễn Minh Châu - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, 2004.
6. Nguyễn Minh Châu, *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*, Báo Văn nghệ số 49 và 50, 1987.
7. Bài viết cuối cùng của Nguyễn Minh Châu, đăng trên Tiền phong chủ nhật số 1, sau đó tạp chí Văn nghệ quân đội số 4/1990 in lại với tiêu đề do chính ông đặt “Ngồi buồn viết mà chơi”.
8. Nhiều tác giả, *Trao đổi về truyện ngắn những năm gần đây của Nguyễn Minh Châu*, in trong: *Nguyễn Minh Châu - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, 2004.
9. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2004.

REFLECTIVE TONE IN NGUYEN MINH CHAU'S SHORT STORY AFTER 1975

Pham Thi Hong

Abstract: *After the war, the country entered the stage of socialist construction with many difficulties and challenges. Nguyen Minh Chau's works truly recorded the changes in thought, artistic concept and artistic style of an author who "paved the way". "most talented and elite": From the idea of entering the world to the thought of "envy - superiority" full of tormenting contradictions, from the inspiration of epic chants to the inspiration of anti-worldly stories, from the tone (melody)) praise shifts to an emotional - questioning tone, from traditional lyrical style to reflective worldly style. The article mainly explores one of the typical stylistic features mentioned above - the questioning voice - reflective inspiration, although we are aware of the interaction and blend of the questioning voice with the reflective voice, which is a basic factor. created Nguyen Minh Chau's literary style.*

Keywords: *reflection, reflection on reality, personal inquiry, Nguyen Minh Chau*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-9-2024; ngày phản biện đánh giá: 16-9-2024; ngày chấp nhận đăng: 30-9-2024)